UBND TỈNH LẠNG SƠN **SỞ TÀI CHÍNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 649 /TTr-STC	*Lạng Sơn, ngày 15 tháng 11 năm 2026*

TỜ TRÌNH
Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 60/2025/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định biện pháp thi hành một số nội dung về xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Thông báo Kết luận số 922/TB-VP ngày 14/11/2026 về Kết luận của đồng chí Đoàn Thanh Sơn, Phó Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp chuyên đề xem xét dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027;

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

1.1. Cơ sở chính trị.

- Kết luận số 183-KL/TW, ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về tích cực triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, chuyển mạnh cấp cơ sở sang chủ động nắm, điều hành kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh: "..... *đổi mới cơ cấu phân bổ ngân sách tài chính đối với các cấp chính quyền địa phương....".*

- Kết luận số 64-KL/TW, ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về sơ kết 1 năm vận hành mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền 3 cấp: *"(2) Cân đối, ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên, nhất là cấp xã; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá để bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt của bộ máy các cấp, nhất là cấp xã; đồng thời bảo đảm chi đầu tư, tạo động lực tập trung phát triển kinh tế - xã hội."*

1.2. Cơ sở pháp lý

- Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.

- Khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *"1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và* ***các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên****."*

- Điểm g khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định: "*g) Quyết định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ ngân sách của ngân sách địa phương;"* và Điểm b, Khoản 12, Điều 32 *"Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 31 của Luật này".*

- Điểm b khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định: *"b) Căn cứ tổng mức chi thường xuyên được tính theo quy định tại Nghị quyết này, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình thực tế từng lĩnh vực chi tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên cho các cơ quan đơn vị thuộc cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước để làm căn cứ xây dựng dự toán và phân bổ ngân sách ở địa phương năm 2027."*

- Căn cứ Công văn số 1416/BTC-NSNN ngày 10/9/2026 của Bộ Tài chính về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trong đó tại mục 3 Công văn quy định *" Ủy ban nhân dân các tỉnh thành phố căn cứ quy định có liên quan tại Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16, thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 7 Nghị quyết này và quy định của Luật Ngân sách nhà nước để ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã làm căn cứ xây dựng và phân bổ ngân sách địa phương năm 2027"*.

2. Cơ sở thực tiễn

Hiện nay, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026 trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Qua thời gian thực hiện, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường đã tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc lập, phân bổ và giao dự toán, góp phần bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và hoạt động của bộ máy trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp. Định mức xây dựng trên cơ sở kế thừa định mức giai đoạn 2022–2025, đồng thời điều chỉnh phù hợp với tổ chức bộ máy và nhiệm vụ sau sắp xếp, định mức năm 2026 cơ bản đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành ngân sách và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện đã phát sinh một số yếu tố mới về cơ chế, chính sách, nhiệm vụ chi, tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý và yêu cầu bảo đảm nguồn lực, đặt ra yêu cầu tiếp tục rà soát, điều chỉnh định mức phân bổ cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Về kết quả đạt được: Định mức phân bổ chi thường xuyên cơ bản phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, góp phần bảo đảm nguồn lực thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, chế độ của Nhà nước, các đề án, nghị quyết của Tỉnh ủy và Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành. Việc phân bổ chi thường xuyên cơ bản bảo đảm kinh phí để các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và chính quyền cấp xã thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ chính trị được giao.

Các nguyên tắc, tiêu chí, định mức tương đối rõ ràng, dễ tính toán, thuận lợi cho kiểm tra, giám sát, góp phần nâng cao tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ ngân sách, giữ ổn định hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp và hỗ trợ thực hiện mục tiêu tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cải cách hành chính.

Nguyên tắc ưu tiên bảo đảm tiền lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo lương và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách của Trung ương, của tỉnh

theo phân cấp, việc bố trí kinh phí bảo đảm tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo lương đối với lao động hợp đồng trong chỉ tiêu được Ủy ban nhân dân tỉnh giao đã góp phần tháo gỡ khó khăn trong cân đối kinh phí của các đơn vị, nhất là các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực giáo dục; qua đó, duy trì ổn định đội ngũ, bảo đảm hoạt động thường xuyên và thực hiện nhiệm vụ chuyên môn được giao.

Đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, việc phân bổ theo quỹ lương, biên chế và nhiệm vụ đặc thù góp phần bảo đảm kinh phí duy trì hoạt động, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; các nhiệm vụ ngoài định mức được xem xét bố trí kinh phí căn cứ nội dung được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách. Qua đó, các cơ quan, đơn vị có cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch sử dụng kinh phí, thực hiện cơ chế tự chủ và quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định, tăng cường tiết kiệm, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách và tạo nguồn cải thiện thu nhập trong phạm vi chế độ cho phép.

Đối với cấp xã, tiêu chí, định mức được quy định theo từng lĩnh vực, kết hợp các yếu tố dân số, biên chế, đơn vị hành chính và nhiệm vụ được giao, có hỗ trợ bổ sung cho xã biên giới, địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, đồng thời quan tâm bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đô thị và nhiệm vụ chuyển giao sau sắp xếp. Đây là cơ sở xác định số bổ sung cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã, phường, giúp chính quyền cấp xã chủ động hơn trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ và điều hành ngân sách, gắn với trách nhiệm quản lý thu, chi và sử dụng nguồn lực hiệu quả.

- Về hạn chế, khó khăn: Trên cơ sở tổng hợp kết quả đánh giá tình hình thực hiện triển khai Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND trong năm 2026 từ báo cáo của các cơ quan, đơn vị cho thấy còn một số khó khăn, hạn chế:

+ Năm 2026, việc thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ *(bao gồm 10% dự toán giao đầu năm và tiết kiệm thêm 15%)* đã tạo áp lực lớn đối với nguồn kinh phí chi quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị. Trong khi đó, nhiều chủ trương, chính sách của Trung ương về tiền lương, tiền thưởng, bảo trợ xã hội, cơ chế hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập... đã được sửa đổi, bổ sung.

+ Sau khi ban hành Nghị quyết 38/2025/NQ-HĐND, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp xã theo chủ trương của Trung ương và của tỉnh, làm phát sinh nhiều nhiệm vụ ở cơ sở được chuyển giao từ cấp huyện trước sắp xếp về cấp xã, làm tăng phạm vi quản lý, khối lượng công việc và nhu cầu kinh phí thực hiện. Đồng thời, việc điều chỉnh chế độ, mức chi và giao cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ theo yêu cầu tương ứng với cấp huyện trước đây làm phát sinh hoặc tăng nhu cầu chi so với

cơ sở xây dựng định mức[1]. Trong năm phát sinh một số chế độ, chính sách mới do các cơ quan trung ương ban hành nhưng yêu cầu địa phương đối ứng, đảm bảo một phần hoặc toàn bộ, đồng thời, các chương trình mục tiêu quốc gia và một số lĩnh vực chi yêu cầu ngân sách địa phương bố trí vốn đối ứng, kinh phí theo tỷ lệ quy định dẫn đến khó khăn trong việc cân đối nguồn lực thực hiện nhiệm vụ[2]; Việc tiếp tục xử lý một số nhiệm vụ phát sinh sau thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 2 cấp, lương cơ sở tăng kéo theo kinh phí chi trả các chế độ chính sách tính theo lương tăng, mức chuẩn trợ cấp xã hội tăng chưa được trung ương cấp hỗ trợ kịp thời dẫn đến khó khăn trong cân đối nguồn thực hiện; định mức ở một số lĩnh vực còn khó khăn và thấp[3]. Việc điều chỉnh địa giới hành chính, rà soát, xác định, phân định xã, thôn vùng dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn sau sắp xếp làm thay đổi phạm vi, quy mô hưởng chính sách, quản lý hệ thống đường giao thông, hạ tầng đô thị và các công trình công cộng, việc xác định, cập nhật loại đô thị, phân loại đường và phân định trách nhiệm quản lý sau sắp xếp còn khó khăn, …ảnh hưởng đến việc xác định cơ sở phân bổ kinh phí. Trong khi đó, nhu cầu duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa và duy trì các dịch vụ công ích lớn, nhất là tại các xã, phường có yêu cầu thực hiện nhiệm vụ theo loại đô thị được cấp có thẩm quyền xác định; Chi thường xuyên khác của ngân sách cấp xã được phân bổ bằng 0,5% tổng chi thường xuyên, chưa gắn trực tiếp với khối lượng và tính chất nhiệm vụ. Đối với các xã có dân số ít, quỹ lương và tổng chi thường xuyên thấp, kinh phí chi khác được phân bổ thấp tương ứng, trong khi vẫn phải bảo đảm các nhiệm vụ chung của một cấp chính quyền, dẫn đến khó khăn trong cân đối, bố trí kinh phí, trong khi phạm vi, khối lượng và nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của cấp xã sau sắp xếp[4].

+ Tiếp tục thực hiện chủ trương tinh gọn bộ máy, sắp xếp đơn vị hành chính, thay đổi cơ cấu tổ chức bộ máy và hoạt động tại một số lĩnh vực, cơ quan cấp tỉnh, xã nên một số tiêu chí, định mức không còn phù hợp[5].

---

[1] Như: kinh phí hoạt động của Ban Chỉ đạo 35; kinh phí hoạt động công tác Đảng ở cấp tỉnh, cấp xã; kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng và các nhiệm vụ khác theo quy định. Trong khi đó, khả năng cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế;

[2] Như: khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 3%; sự nghiệp văn hóa 2%; bảo vệ môi trường và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu 2%; xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật 0,5%; các CT MTQG, nhiệm vụ khám sức khoẻ toàn dân...).

[3] Như: nguồn thu viện phí, giá dịch vụ thấp, không ổn định nên khó khăn cho các cơ sở y tế trong việc nâng cao mức độ tự chủ tài chính; định mức chi quản lý hành chính còn thấp nên chưa đảm bảo nhu cầu chi của các xã phường, định mức cho lĩnh vực quốc phòng an ninh chưa đáp ứng nhiệm vụ quốc phòng an ninh trong tình hình mới;...

[4] như công tác hòa giải ở cơ sở, xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tổ chức thi hành pháp luật, cải cách hành chính, tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo…. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ này chủ yếu được cân đối trong định mức chi hoạt động chung, trong khi khối lượng công việc và yêu cầu thực hiện tăng, gây khó khăn cho cấp xã trong việc bảo đảm kinh phí thực hiện đầy đủ nhiệm vụ được giao.

[5] Tại cấp tỉnh: Giải thể Trung tâm Xúc tiến Đầu tư. Thương mại và Du lịch tỉnh theo Đề án số 80/ĐA-UBND ngày 29/7/2026 của UBND tỉnh Lạng Sơn; Thành lập Ban Quản lý dự án đầu tư công trình giao thông theo Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của UBND tỉnh, chuyển giao và đổi tên các Ban Quản lý dự án khu vực trực thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh Lạng Sơn về thuộc Uỷ ban nhân dân cấp xã theo Quyết định 50/QĐ-UBND; Chuyển các tổ chức hội cấp tỉnh do Đảng, Nhà nước giao nhiệm

Theo Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định: *"b) Căn cứ tổng mức chi thường xuyên được tính theo quy định tại Nghị quyết này, khả năng tài chính - ngân sách và đặc điểm tình hình thực tế từng lĩnh vực chi tại địa phương, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên cho các cơ quan đơn vị thuộc cấp tỉnh và chính quyền địa phương cấp xã theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước..."*: Đồng thời, Kết luận số 64-KL/TW, ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư yêu cầu: *"Cân đối, ưu tiên bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn ngân sách nhà nước chi thường xuyên, nhất là cấp xã; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá để bảo đảm hoạt động ổn định, thông suốt của bộ máy các cấp, nhất là cấp xã;..."*

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên và kết quả đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND, việc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 là cần thiết nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của định mức hiện hành, cập nhật các chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi mới, bảo đảm phù hợp với mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đặc thù từng lĩnh vực, địa bàn và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Vì vậy, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 là cần thiết, đúng thẩm quyền, tạo cơ sở pháp lý thống nhất cho việc lập, phân bổ, giao dự toán và điều hành ngân sách, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành Nghị quyết

Việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên là căn cứ, cơ sở tính toán phân bổ và giao dự toán ngân sách năm 2027 cho các cơ quan đơn vị tỉnh, xác định số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách các xã phường theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch ngân sách, góp

---

vụ về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo Đề án số 20-ĐA/TU ngày 17/6/2025 của Tỉnh uỷ Lạng Sơn; Thành lập Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh và đảng uỷ HĐND tỉnh trực thuộc Tỉnh uỷ theo Quyết định số 790-QĐ/TU, ngày 11/9/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; Giải thể Ban an toàn giao thông tỉnh; Thành lập lại các chi cục trực thuộc Sở NN&MT.

Tại cấp xã phường: Nhận chuyển giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực về một số xã; thực hiện sáp nhập, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực Theo Phương án số 83/PA-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên và giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh; Quy định về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường theo Nghị quyết 66.12/2026/NQ-CP ngày 26/01/2026 về tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã, phường, đặc khu trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Phương án số 106/PA-UBND ngày 31/10/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn thành lập đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND cấp xã cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao, truyền thông, khuyến nông, đất đai, môi trường; …

phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng năm 2027 của tỉnh.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2027 phải quán triệt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp lớn về tài chính ngân sách; phù hợp với quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan; đồng thời phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức thực hiện trên cơ sở kế thừa những ưu điểm của định mức 2026, đồng thời sửa đổi, bổ sung một số quy định chưa phù hợp, khắc phục hạn chế, bất cập, bảo đảm sát với yêu cầu nhiệm vụ, đặc thù từng lĩnh vực, địa bàn và khả năng cân đối ngân sách nhà nước của tỉnh năm 2027; Đảm bảo nguồn lực thực hiện các chủ trương của Đảng, chế độ, chính sách của trung ương, của tỉnh đã ban hành đến thời điểm ban hành Nghị quyết; Gắn với yêu cầu thực hiện cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế đảm bảo hoạt động hiệu lực hiệu quả của các cơ quan quản lý nhà nước, nâng cao mức độ tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên chưa cần thiết dành nguồn cho chi đầu tư phát triển, duy trì hoạt động ổn định, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy các cấp, nhất là cấp xã.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Thực hiện Thông báo số 1962/TB-HĐND ngày 22/9/2026 ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Công văn số 8950/VP-KTTH ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh về xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSĐP năm 2027 và rà soát quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi.

2. Ngày 05 tháng 10 năm 2026, Sở Tài chính ban hành Quyết định số 305/QĐ-STC thành lập Tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027; đồng thời tổ chức họp Tổ để lấy ý kiến, hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

3. Ngày 21 tháng 10 năm 2026, Sở Tài chính ban hành Công văn số 6900/STC-QLNS đề nghị các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân

phường, xã tham gia ý kiến góp ý đối với dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính, dự thảo Tờ trình, Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh (thời gian góp ý chậm nhất ngày 24 tháng 10 năm 2026).

4. Đến hết ngày 29 tháng 10 năm 2026, có 50/89 cơ quan, đơn vị tham gia góp ý (24 cơ quan, đơn vị cấp tỉnh và 65 phường, xã), trong đó: có 29 đơn vị nhất trí với dự thảo và 21 ý kiến tham gia, Sở Tài chính đã tổng hợp và tiếp thu, chỉnh sửa các ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo *(có bản tổng hợp kèm theo)*.

5. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 819/BC-STP ngày 04 tháng 11 năm 2026 về thẩm định dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027, Sở Tài chính đã tiếp thu, hoàn thiện dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành.

5. Các nội dung chính thay đổi so với dự thảo trình tại cuộc họp chuyên đề UBND tỉnh ngày 12/11/2026

5.1. Trên cơ sở ý kiến tại cuộc họp, đặc biệt là ý kiến của đại diện Lãnh đạo Ban Kinh tế ngân sách đối với định mức học sinh trường phổ thông nội trú xã biên giới, dự thảo trình tại kỳ họp chuyên đề xây dựng nội dung quy định:

"Đối với Trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền được phân bổ thêm theo số học sinh để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho học sinh theo quy định tại Nghị định số 188/2026/NĐ-CP ngày 27/5/2026 của Chính phủ quy định chính sách cho học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền. Cụ thể định mức: 4,1 triệu đồng/học sinh/năm."

Lý do: Tại Nghị định 188/2026/NĐ-CP quy định 13 chính sách cho học sinh và cho trường nội trú xã biên giới. Trong đó, căn cứ quy định: "Ngân sách trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương thực hiện chính sách quy định tại khoản 1 Điều 3, khoản 4 Điều 3 đối với kinh phí hỗ trợ tiền ăn; khoản 2 Điều 4; điểm a, b khoản 3 Điều 4 Nghị định này theo nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương thực hiện các chính sách an sinh xã hội do trung ương ban hành được cấp có thẩm quyền quyết định áp dụng cho từng thời kỳ". Đối với các chính sách còn lại như trang cấp học phẩm, trang cấp đồ dùng cá nhân, tiền điện, tiền nước....do ngân sách địa phương đảm bảo. Do đó, Sở Tài chính tính toán quy định các chế độ do NSĐP bố trí theo hình thức định mức trên đầu học sinh để các trường thực hiện.

Tuy nhiên, để tránh mâu thuẫn với quy định tại Nghị quyết số 12/2026/UBTVQH16 quy định định mức phân bổ chưa bao gồm kinh phí "hỗ trợ học sinh trường phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên

giới đất liền", Sở Tài chính tiếp thu ý kiến của Ban Kinh tế Ngân sách, không quy định nội dung này vào định mức mà thực hiện theo hình thức giao dự toán.

5.2. Đối với định mức phân bổ chi khác cho Trung tâm y tế khu vực (phòng bệnh)

Đã thực hiện điều chỉnh tăng định mức phân bổ chi khác cho Trung tâm y tế khu vực (phòng bệnh) (tại điểm b khoản 2.1 Điều 5 dự thảo Quy định) từ mức dự kiến là 26 triệu đồng/biên chế/năm lên mức dự kiến là 28 triệu đồng/biên chế/năm (tăng khoảng 8%)

5.3. Đối với định mức phân bổ cho Phòng Văn hoá - Xã hội

So với dự thảo lần trước, Sở Tài chính bổ sung quy định "đối với các xã có số kinh phí phân bổ theo định mức thấp hơn số kinh phí trước khi sắp xếp cơ sở giáo dục thì được đảm bảo không thấp hơn mức đã hưởng." để đảm bảo kinh phí hoạt động cho các xã sau quá trình sắp xếp cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn.

5.4. Đối với định mức hỗ trợ Trạm y tế xã: Điều chỉnh tiêu chí và định mực quy định từ theo vùng sang theo biên chế là định mức là 25 triệu đồng/biên chế.

5.5. Đối với định mức sự nghiệp thể dục thể thao cấp tỉnh: Bỏ quy định *"Đối với các hoạt động thể dục, thể thao cơ sở: 13 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm, đảm bảo các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn."*

5.6. Đối với định mức kinh phí đào tạo, chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức so với dự thảo trình kỳ họp chuyên đề như sau:

+ Kinh phí đào tạo vận động viên cấp tỉnh (bao gồm tiền dinh dưỡng và tiền lương tập luyện): từ 60 lên 70 triệu đồng/ người/năm.

+ Kinh phí đào tạo vận động viên trẻ cấp tỉnh (bao gồm tiền dinh dưỡng và tiền lương tập luyện): từ 45 lên 55 triệu đồng/ người/năm.

+ Kinh phí chi trả chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên đội tuyển cấp tỉnh: từ 45 lên 50 triệu đồng/người/năm.

+ Kinh phí chi trả chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh: từ 32 lên 45 triệu đồng/người/năm.

5.7. Đối với định mức sự nghiệp kiến thiết thị chính: Đối với các xã còn lại, giữ nguyên định mức quy định tại Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND là 500 triệu đồng/xã/năm (mức tại dự thảo trình kỳ họp chuyên đề là 700 triệu đồng).

5.8. Đối với định mức chi khác cho các xã, phường: Bổ sung tiêu chí "phường"; đồng thời bổ sung định mức 300 triệu đồng hỗ trợ cho các phường; đối với các xã giữ nguyên như dự thảo trình trình kỳ họp chuyên đề là 200 triệu đồng.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm có 3 Điều, gồm:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Điều 3. Điều khoản thi hành

2. Nội dung quy định ban hành kèm theo Nghị quyết

2.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027.

b) Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng với cơ quan Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc (UBMTTQ) Việt Nam tỉnh, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, các tổ chức Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, Ủy ban nhân dân (UBND) các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Lạng Sơn.

2.2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

2.2.1. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

a) Góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; ưu tiên bố trí đảm bảo tiền lương, chế độ chính sách trung ương, tỉnh ban hành, các nhiệm vụ quan trọng của tỉnh phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương năm 2027, kế hoạch tài chính 5 năm giai đoạn 2026-2030.

b) Thúc đẩy từng bước nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước; phấn đấu giảm dần tỷ trọng chi thường xuyên, góp phần cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp các đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã, tinh giản biên chế gắn với phân cấp, phân quyền, phát huy tính chủ động và đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị của các sở, ban, ngành, đơn vị, cấp xã. Ưu tiên nguồn lực để thực hiện các Nghị quyết của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật; tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; phát triển văn hóa Việt Nam; hội nhập quốc tế trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

c) Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn bảo đảm thực hiện các chính sách an sinh xã hội, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

d) Tăng cường tính chủ động, gắn với chức năng, nhiệm vụ, chế độ, chính sách chi ngân sách nhà nước; bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong phân bổ dự toán chi thường xuyên cho các cấp ngân sách, các đơn vị dự toán; dự toán chi thường xuyên có mức tăng hợp lý so với dự toán năm 2026 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

đ) Định mức phân bổ của ngân sách địa phương đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách do Trung ương ban hành đến thời điểm Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2027 và đảm bảo tính đủ mức tiền lương cơ sở 2.530.000 đồng/tháng. (chưa bao gồm kinh phí phát sinh tăng thêm để thực hiện các chính sách theo tiêu chí chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030; kinh phí thực hiện các chính sách: miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo; hỗ trợ bữa ăn trưa cho học sinh tiểu học và trung học cơ sở ở các xã biên giới đất liền; phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; hỗ trợ học sinh phổ thông nội trú và trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới đất liền).

Căn cứ kinh phí được ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu trong năm, ngân sách tỉnh hỗ trợ các xã, phường thực hiện các chính sách chưa tính trong định mức và các chính sách, chế độ mới được ban hành sau thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

e) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo toàn bộ chi đầu tư và chi thường xuyên (Nhóm 1), đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên (Nhóm 2): Ngân sách nhà nước không hỗ trợ chi thường xuyên (trừ kinh phí đối với các nhiệm vụ do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo quy định, kinh phí thực hiện các chương trình/kế hoạch/đề án/dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên.

2.2.2. Tiêu chí phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương

a) Tiêu chí phân bổ ngân sách địa phương phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra và giám sát; sử dụng các tiêu chí chính kết hợp các tiêu chí bổ sung phù hợp với thực tế và đặc thù từng địa phương.

b) Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên tại Nghị quyết này đảm bảo các nhiệm vụ chi theo phân cấp quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh, trong đó ưu tiên chi cho con người; định mức chi tiết các lĩnh vực: giáo dục, đào tạo và dạy nghề, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; dự phòng ngân sách là mức tối thiểu hàng năm được phân bổ theo dự toán trung ương giao.

c) Đối với các sở ngành, cơ quan tỉnh: tiếp tục quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi quản lý hành chính các sở, cơ quan tỉnh gồm 03 nhóm: (i) quỹ lương; (ii) định mức theo biên chế; (iii) đặc thù ngoài định mức, gồm đặc thù chung và đặc thù riêng; đối với lĩnh vực quốc phòng, an ninh, tiếp tục kế thừa quy định của năm 2026 bao gồm cả định mức đối với xã phường, do lĩnh vực có đặc thù riêng[6], thực tiễn phát sinh nhiệm vụ trong năm lớn, khó xác định; các đơn vị sự nghiệp công lập kế thừa các nội dung của năm 2026, cơ chế tài chính hiện hành.

d) Đối với các xã, phường: kế thừa tiêu chí, định mức của cấp xã năm 2026, trong đó định mức phân bổ theo tiêu chí dân số và biên chế cấp có thẩm quyền giao là tiêu chí chính kết hợp một số tiêu chí bổ sung phù hợp với các xã phường, đồng thời điều chỉnh, bổ sung một số định mức cụ thể theo từng lĩnh vực phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của địa phương; Đảm bảo toàn bộ nhu cầu kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách và mức tiền lương cơ sở do trung ương ban hành đến thời điểm Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết; Trong phạm vi khả năng cân đối, ngân sách tỉnh thực hiện theo cơ chế bổ sung có mục tiêu cho

[6] Theo quy định của Luật NSNN và Nghị định số 08/2026/NĐ-CP ngày 29/6/2026 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh

các xã phường kinh phí thực hiện một số chế độ chính sách tỉnh ban hành theo phân cấp chưa được tính trong định mức, chế độ mới do trung ương ban hành và bổ sung có mục tiêu cho tỉnh sau thời điểm ban hành nghị quyết trong quá trình điều hành ngân sách.

2.3. Nội dung tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027: chi tiết tại Quy định kèm theo dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh và bảng thuyết minh so sánh.

2.4. Những nội dung chủ yếu điều chỉnh, sửa đổi tại dự thảo định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2027 so với năm 2026.

a) Về tiêu chí phân bổ

- Cơ bản tiếp tục kế thừa tiêu chí phân bổ năm 2026 như: đảm bảo quỹ lương, thưởng với các lĩnh vực, chi khác phân bổ theo tỷ lệ trên tổng chi đối với lĩnh vực giáo dục, theo giường bệnh đối với sự nghiệp y tế; theo tiêu chí biên chế đối với chi quản lý hành chính, các sự nghiệp văn hóa thông tin, thể dục thể thao, phát thanh truyền hình, chi bộ máy sự nghiệp đảm bảo xã hội và một số tiêu chí phụ khác như: tiêu chí theo trường lĩnh vực giáo dục cấp xã, tiêu chí theo dân số tính định mức chi hoạt động chung Quản lý hành chính cấp xã.

- Thay đổi, bổ sung tiêu chí phân bổ đối với một số lĩnh vực, nhiệm vụ chi như sau:

+ Sự nghiệp y tế:

Cấp xã: Thay đổi tiêu chí tính định mức theo vùng thành tiêu chí tính định mức theo biên chế. Lý do: Sau quá trình thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp và tình hình thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của các trạm y tế xã, việc phân bổ định mức theo vùng không còn phù hợp khi chia bình quân theo đầu biên chế có sự chênh lệch lớn giữa các vùng, trong khi các công việc, nhiệm vụ duy trì thường xuyên của các trạm y tế xã cơ bản như nhau.

+ Quản lý hành chính:

Cấp xã: (1) bổ sung tiêu chí hỗ trợ kinh phí thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với thành viên Ban Công tác 35 đảng ủy xã, phường và thù lao hằng tháng đối với Tổ cộng tác viên của Ban Công tác 35 đảng ủy xã, phường theo Hướng dẫn số 15-HD/VPTW ngày 01/7/2026; (2) Bổ sung tiêu chí hỗ trợ trung tâm phục vụ hành chính công; (3) Bổ sung thêm tiêu chí thôn, tổ dân phố

+ Sự nghiệp thể dục thể thao: Điều chỉnh tiêu chí phân bổ đào tạo vận động viên: gồm vận động viên cấp tỉnh, vận động viên trẻ cấp tỉnh; bổ sung định mức chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên.

+ Chi khác của ngân sách địa phương: Bổ sung thêm tiêu chí hỗ trợ đối với các xã còn lại ngoài các xã đã quy định tại Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND.

b) Về định mức phân bổ: Trên cơ sở tính toán tác động của các chính sách, chế độ, định mức chi ngân sách, định mức chi năm 2027 tăng bình quân khoảng 8-10% so với định mức năm 2026, mức tăng này được xây dựng trên cơ sở mức tăng trưởng kinh tế - xã hội dự kiến của tỉnh năm 2026.

- Tiền lương cơ sở tăng theo mức lương cơ sở theo quy định của nhà nước, tăng từ 2,34 triệu đồng lên mức 2,53 triệu đồng, tỷ lệ tăng 8%.

- Một số lĩnh vực, nhiệm vụ chi có điều chỉnh tăng mức như:

+ Sự nghiệp giáo dục:

Cấp tỉnh: đề xuất tăng định mức phân bổ thêm theo số học sinh để đảm bảo các chế độ hỗ trợ cho học sinh, tăng so với định mức cũ 0,4 triệu đồng: định mức cũ là 4 triệu đồng/học sinh/năm, đề xuất định mức mới là 4,4 triệu đồng/học sinh/năm. Do thay đổi căn cứ văn bản Nghị định số 66/2026/NĐ-CP ngày 02/3/2026 của Chính phủ thay thế Nghị định số 84/2020/NĐ-CP, phù hợp với thực tiễn.

Nâng định mức phân bổ cho Phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn, từ mức 45 triệu đồng/trường/năm lên mức phân bổ 80 triệu đồng/01 trường/đơn vị cấp xã/năm. Cơ sở đề xuất: Để cấp xã chủ động thực hiện nhiệm vụ được kết cấu trong định mức, như: chi nghiệp vụ chuyên môn, tập huấn, hoạt động kiểm tra, giám sát, các nhiệm vụ theo văn bản của cấp trên triển khai tập trung tại các xã, phường, công tác phí và các chế độ hoạt động thường xuyên khác, mặt khác thực hiện chủ trương sắp xếp trường hiện nay quy mô, phạm vi và nhiệm vụ hoạt động thường xuyên của trường cũng thay đổi. Đồng thời quy định: "đối với các xã có số kinh phí phân bổ theo định mức thấp hơn số kinh phí trước khi sắp xếp cơ sở giáo dục thì được đảm bảo không thấp hơn mức đã hưởng" để đảm bảo các xã sau khi thực hiện sắp xếp các cơ sở giáo dục không bị giảm định mức so với trước khi sắp xếp, lý do: số học sinh, số trụ sở, số lớp vẫn giữ nguyên nên các nhiệm vụ lĩnh vực ngành cơ bản vẫn phải thực hiện như trước.

+ Sự nghiệp y tế:

Cấp tỉnh: Tăng định mức theo giường bệnh khoảng 8% so với định mức tại Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND.

Cấp xã:

- Thay đổi tiêu chí tính định mức theo vùng thành tiêu chí tính định mức theo biên chế là 25 triệu đồng/biên chế/năm; tương đồng với cách tính định mức để đảm bảo chi thường xuyên của các sự nghiệp khác.

- Tăng mức hỗ trợ điểm y tế từ 10 triệu đồng/điểm trạm/năm lên 20 triệu đồng/điểm y tế/năm để đảm bảo hoạt động căn cứ tình hình thực tiễn.

Căn cứ: Kết luận số 1513/KL-UBDNGS16 ngày 05/10/2026 của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát; Báo cáo số 1512/BC-ĐGS ngày 05/10/2026 của Đoàn giám sát chuyên đề về chuyên đề "Việc giải quyết kiến nghị của cử tri về bảo đảm nhân lực y tế nhằm nâng cao chất lượng hoạt động của Trạm Y tế cấp xã trong bối cảnh tổ chức chính quyền địa phương hai cấp"; Công văn số 2286/HĐND-VHXH ngày 22/10/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc chuyển kiến nghị của Ủy ban Dân nguyện và Giám sát của Quốc hội sau giám sát chuyên đề về bảo đảm nhân lực y tế của Trạm Y tế cấp xã.

+ Quản lý hành chính:

Cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: Các đơn vị Quản lý nhà nước (Sở, ngành cấp tỉnh), Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội: dưới 21 biên chế: 39 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 37 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 35 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 33 triệu đồng/biên chế/năm.

Các đơn vị dự toán trực thuộc các Sở, ngành: dưới 21 biên chế: 35 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 32 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 30 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 29 triệu đồng/biên chế/năm. Khối Đảng cấp tỉnh: 43 triệu đồng/biên chế/năm.

Lý do: đảm bảo chính sách chế độ công tác phí và các chính sách chi tiêu gắn với hoạt động thường xuyên của đơn vị theo đề xuất của các Sở ngành…

Cấp xã: (1) Tăng định mức 8%, cụ thể định mức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc 35 triệu đồng/biên chế/năm; định mức cơ quan quản lý nhà nước 32 triệu đồng/biên chế/năm; (2) Điều chỉnh tăng định mức khoảng 10% phân bổ chi khác theo dân số dưới 10.000 dân: 1.100 triệu đồng/năm; dân số từ 10.000 đến dưới 20.000 dân: 1.430 triệu đồng/năm; dân số trên 20.000 dân: 1.650 triệu đồng/năm và định mức hỗ trợ thêm xã biên giới: 220 triệu đồng/năm; (3) Bổ sung định mức hỗ trợ trung tâm phục vụ hành chính công: 100 triệu đồng/xã; (4) Bổ sung thêm theo

số thôn, tổ dân phố: 10 triệu đồng/thôn, tổ dân phố/năm. Cơ sở đề xuất: Thực hiện Kết luận 64-KL/TW của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (hoàn thiện hệ thống tiêu chí, định mức để đảm bảo ổn định thông suốt… nhất là cấp xã); Đồng thời điều chỉnh tăng định mức để cấp xã chủ động thực hiện nhiệm vụ được kết cấu trong định mức, như: Hỗ trợ hoạt động trung tâm hành chính công; nhiệm vụ khoa học công nghệ và chuyển đổi số *(họp trực tuyến; mua sắm, sửa chữa máy móc trang thiết bị; công tác Tabmis, tham gia tập huấn đào tạo, bồi dưỡng, công tác phí đi các thôn, tổ dân phố…);* kinh phí thực hiện các nội dung, mức chi điều chỉnh tăng theo quy định tại các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung, mức chi và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Lạng Sơn; một số nội dung, mức chi hoạt động của Đảng ủy xã, phường trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn và các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền….

Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính từ mức 5 triệu đồng/ban/xã lên mức 10 triệu đồng/ban/xã; do sau khi sắp xếp số lượng xã giảm, các xã tăng quy mô, diện tích, dân số; đề xuất, kiến nghị của Ban Thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại Thông báo Kết luận số 287/TB-MTTQ-BTT ngày 12/9/2026 của Ủy ban Mặt trận tổ quốcViệt nam tỉnh[7].

Điều chỉnh tăng định mức hỗ trợ kinh phí hoạt động của chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn theo Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính từ mức 2,5 triệu đồng/thôn/năm lên mức 5 triệu đồng/thôn/năm.

Điều chỉnh tăng định mức chi hỗ trợ đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện cuộc vận động Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

Điều chỉnh tăng định mức chi khác đối với hợp đồng lao động theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ từ 15 triệu đồng/người/năm lên 16 triệu đồng/người/năm.

+ Sự nghiệp văn hóa – thông tin:

Cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: dưới 21 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm; Từ 21 đến

---

[7] Chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của HĐND tỉnh; nghiên cứu, tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung theo hướng điều chỉnh mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban TTND phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ và điều kiện thực tế;

40 biên chế: 24 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 23 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Điều chỉnh tăng 50% định mức bổ sung thêm đối với Đoàn Nghệ thuật Dân tộc tỉnh 15 triệu đồng/buổi biểu diễn tại các xã khu vực II, xã khu vực III để hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng luyện tập, biểu diễn theo Nghị định số 261/2026/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về phụ cấp ưu đãi nghề, chế độ bồi dưỡng luyện tập và biểu diễn đối với viên chức, người lao động hoạt động đặc thù về nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập nghệ thuật biểu diễn, đơn vị nghệ thuật biểu diễn thuộc lực lượng vũ trang.

Cấp xã: Điều chỉnh tăng định mức phân bổ cho mỗi đơn vị cấp xã là 80 triệu đồng/năm (tương đương 33,3%).

+ Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, báo chí: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: dưới 21 biên chế: 29 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 28 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 26 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Sự nghiệp thể dục, thể thao:

Cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: dưới 21 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 24 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 23 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Điều chỉnh quy định về định mức đào tạo vận động viên, chi trả chế độ dinh dưỡng như sau:

+ Kinh phí đào tạo vận động viên trẻ cấp tỉnh (bao gồm tiền dinh dưỡng và tiền lương tập luyện): 70 triệu đồng/ người/năm.

+ Kinh phí chi trả chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên đội tuyển cấp tỉnh: 50 triệu đồng/người/năm.

+ Kinh phí chi trả chế độ dinh dưỡng đối với Huấn luyện viên đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 45 triệu đồng/người/năm.

+ Kinh phí chi trả chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên và Huấn luyện viên đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 21 triệu đồng/ người/năm.

Cấp xã: Nâng định mức đảm bảo các hoạt động thể dục, thể thao trên địa bàn: 80 triệu đồng/đơn vị cấp xã/năm.

+ Đảm bảo xã hội:

Cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: dưới 21 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm; từ 21 đến 40 biên chế: 24 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 23 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Sự nghiệp an ninh, quốc phòng:

Tăng định mức hỗ trợ cấp xã về chi quốc phòng (tăng 20%): hỗ trợ theo tiêu chí dân số từ 15.000 đồng/người/năm lên mức 18.000 đồng/người/năm.

Tăng định mức hỗ trợ cấp xã về chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội (tăng 20%): hỗ trợ theo tiêu chí dân số từ 15.000 đồng/người/năm lên mức 18.000 đồng/người/năm.

Nâng mức hỗ trợ các xã trọng điểm, phức tạp về an ninh trật tự với định mức phân bổ từ mức cũ là 35 triệu đồng/xã/năm lên mức: các xã là 50 triệu đồng/xã/năm (tăng 15 triệu đồng); các phường là 80 triệu đồng/phường/năm (tăng 30 triệu đồng).

Lý do: để đảm bảo kinh phí hỗ trợ từ ngân sách địa phương thực hiện một số nhiệm vụ quốc phòng, an ninh theo khả năng cân đối ngân sách. Các nhiệm vụ đặc thù ngoài định mức phân bổ chưa bao gồm: Chế độ chính sách đối với dân quân tự vệ và kinh phí huấn luyện dân quân tự vệ phân cấp cho cấp xã thực hiện theo quy định.

Tăng định mức Hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ theo số km đường biên giới (tuần tra, bảo vệ cột mốc biên giới…) từ 5 triệu đồng/Km đường biên giới/năm lên 10 triệu đồng/Km đường biên giới/năm; Định mức bao gồm kinh phí thực hiện Nghị quyết 03/2023/NQ-HĐND về Quy định chính sách hỗ trợ Nhân dân tham gia các hoạt động quản lý, bảo vệ biên giới quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

+ Sự nghiệp khác

Cấp tỉnh: Điều chỉnh tăng định mức theo chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao khoảng 8%: dưới 21 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 24 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41 đến 60 biên chế: 23 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 22 triệu đồng/biên chế/năm.

Nâng định mức phân bổ đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Phát triển quỹ đất) 8%: dưới 21 biên chế: 28 triệu đồng/biên chế/năm; từ Từ 21 đến 40 biên chế: 27 triệu đồng/biên chế/năm; từ 41

đến 60 biên chế: 26 triệu đồng/biên chế/năm; trên 60 biên chế: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

Cấp xã: Nâng định mức chi khác tính theo định mức biên chế đối vớiTrung tâm dịch vụ công ích: 25 triệu đồng/biên chế/năm.

+ Sự nghiệp kinh tế:

Cấp tỉnh: Nâng định mức chi sửa chữa thường xuyên như sau:

Chi sửa chữa thường xuyên đối với đường tỉnh, đường nội bộ khu vực cửa khẩu và khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu: mức chi 38 triệu đồng/km/năm; chi sửa chữa thường xuyên đối với đường tỉnh (đường huyện sau sắp xếp chuyển thành đường tỉnh): định mức 30 triệu đồng/km/năm; Chi sửa chữa đường tuần tra biên giới do cấp tỉnh quản lý: mức chi 33 triệu đồng/km/năm.

Cấp xã: Điều chỉnh tăng định mức sửa chữa thường xuyên đường, cầu như sau:

Định mức Sửa chữa thường xuyên đường xã, đường đô thị điều chuyển từ huyện về: 30 triệu đồng/km/năm.

Chi sửa chữa thường xuyên đường xã còn lại do cấp xã quản lý: mức chi 5 triệu đồng/km/năm; Chi sửa chữa hệ thống cầu trên đường giao thông nông thôn, gồm cầu dàn thép, cầu dầm bê tông cốt thép, cầu treo dân sinh: mức chi 2 triệu đồng/mét/năm.

+ Sự nghiệp kiến thiết thị chính: Định mức năm 2026 chưa bao gồm kinh phí điện chiếu sáng do thời điểm năm 2025 sau sắp xếp, nhiệm vụ được giao cho Sở Xây dựng. Đồng thời do địa bàn các phường có sự khác nhau và quy mô, số lượng cây xanh, cống rãnh…nên kinh phí cũng được tính toán lại phù hợp với địa bàn. Căn cứ nhu cầu thực tiễn và khả năng cân đối ngân sách, Sở Tài chính dự kiến tăng định mức cho các xã, phường, cụ thể: các phường: phường Đông Kinh, phường Kỳ Lừa: 18.000 triệu đồng, tăng 6.000 triệu đồng (mức cũ 12.000 triệu đồng); phường Tam Thanh, phường Lương Văn Tri: 15.000 triệu đồng, tăng 3.000 triệu đồng (mức cũ 12.000 triệu đồng), xã Đồng Đăng 12.000 triệu đồng, tăng 2.000 triệu đồng (mức cũ 10.000 triệu đồng), xã Chi Lăng 10.000 triệu đồng (mức cũ 8.000 triệu đồng), các xã (10 xã) gồm: Hữu Lũng, Bắc Sơn, Bình Gia, Văn Quan, Thất khê, Na Sầm, Lộc Bình, Đình Lập, Na Dương, Thái Bình: 7.000 triệu đồng/xã (mức cũ 5.000 triệu đồng). Đối với các xã còn lại (49 xã) giữ nguyên định mức 500 triệu đồng/xã/năm.

+ Chi khác của ngân sách địa phương: Tăng 100 triệu đồng/xã so với định mức cũ, bổ sung thêm chi khác cho các xã còn lại, do các xã gặp khó khăn khi phát

sinh nhiều nhiệm vụ trong năm, nguồn kinh phí hạn hẹp. Cụ thể: Hỗ trợ thêm kinh phí chi khác với định mức 600 triệu đồng/xã/năm cho các xã: Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình, Đình Lập, Na Sầm, Thất Khê, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Đồng Đăng. Bổ sung mới thêm cho các xã còn lại hỗ trợ thêm kinh phí chi khác với định mức 200 triệu đồng/xã/năm và các phường là 300 triệu đồng/phường/năm.

Lý do: Thực hiện Kết luận 64-KL/TW, đồng thời để chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh và các nhiệm vụ chế độ, chính sách theo phân cấp chưa được kế cấu trong định mức, các nhiệm vụ này có thể phát sinh đối với xã này không phát sinh đối với xã khác do đó không thể quy định tiêu chí riêng được; đồng thời để chủ động điều hành, và phù hợp với thực tiễn các xã đề xuất.

2.4.3. Nội dung tích hợp mức chi Ban Thanh tra nhân dân

Thực hiện Công văn số 1406/HĐND-PC ngày 21/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc rà soát, xử lý các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh không còn phù hợp về lĩnh vực pháp chế; Thực hiện Công văn số 2311/STP-NVI ngày 22/7/2026 của Sở Tư pháp về đề nghị báo cáo tình hình và kết quả thực hiện một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp.

Sở Tài chính được giao tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 63/2017/NQ-HĐND ngày 11/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (thời hạn theo Công văn số 1406/HĐND-PC ngày 21/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh: trình trong tháng 9 năm 2026). Tuy nhiên, tại điểm g khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định "Hỗ trợ kinh phí bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân theo Thông tư số 04/2025/TT-BTC ngày 24/01/2025 của Bộ Tài chính: mức 5 triệu đồng/ban/xã". Do đó, nhằm giảm tải thủ tục, tiết kiệm kinh phí cho ngân sách nhà nước trong khâu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, Sở Tài chính đã thực hiện xin ý kiến Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân tỉnh và Sở Tư pháp về việc tích hợp quy định hỗ trợ Ban Thanh tra nhân dân cấp xã vào dự thảo Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 mà không quy định riêng tại một Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tại các văn bản tham gia ý kiến, các đơn vị đều nhất trí về việc tích hợp quy định hỗ trợ Ban Thanh tra nhân dân cấp xã vào dự thảo Nghị quyết về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027 mà không quy định riêng tại một Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.5. Thuận lợi, khó khăn và dự báo các yếu tố ảnh hưởng định mức chi thường xuyên năm 2027:

a) Thuận lợi:

- Kế thừa những mặt tích cực của định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2026.

- Công tác chuyển đổi số tiếp tục được đẩy mạnh, ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm các chi phi hành chính như văn phòng phẩm, công tác phí.

- Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đã dần đi vào ổn định sau hơn một năm vận hành, tạo điều kiện rà soát, sắp xếp lại nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và cơ sở vật chất; là cơ sở để xây dựng định mức chi thường xuyên năm 2027 sát hơn với chức năng, nhiệm vụ thực tế.

b) Khó khăn

- Khả năng cân đối ngân sách địa phương còn hạn chế, trong khi phải đồng thời bảo đảm kinh phí hoạt động của bộ máy, thực hiện các chế độ, chính sách mới, bố trí kinh phí đối ứng và đáp ứng yêu cầu tiết kiệm chi thường xuyên. Một số nhu cầu kinh phí phát sinh chưa được ngân sách trung ương hỗ trợ kịp thời, tạo áp lực đối với việc cân đối nguồn lực và điều chỉnh định mức.

- Việc tiếp tục sắp xép tổ chức bộ máy, đẩy mạnh phân cấp phân quyền và chuyển giao nhiệm vụ từ cấp huyện trước đây về cấp tỉnh, cấp xã làm thay đổi phạm vi quản lý, khối lượng nhiệm vụ và nhu cầu chi. Một số tiêu chí, định mức năm 2026 chưa phản ánh đầy đủ các nhiệm vụ mới, nhất là những nhiệm vụ cấp xã phải thực hiện với yêu cầu tương ứng cấp huyện trước sắp xếp.

- Việc điều chỉnh mức lương cơ sở, chính sách tiền lương, phụ cấp, các chế độ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động ở cấp xã có thể làm tăng đáng kể nhu cầu chi thường xuyên. Đây là yếu tố cần được tách biệt giữa phần tăng do chính sách và phần tăng do định mức.

- Các chính sách về tiền lương, phụ cấp, an sinh xã hội và yêu cầu bố trí kinh phí đối ứng tiếp tục tạo áp lực cân đối ngân sách địa phương; Nhu cầu kinh phí cho chuyển đổi số, các lĩnh vực ưu tiên, quốc phòng, an ninh, duy tu hạ tầng và dịch vụ công ích tác động trực tiếp đến việc xác định tiêu chí, mức phân bổ.

- Yêu cầu tiết kiệm, cơ cấu lại chi ngân sách và nâng cao mức độ tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập đòi hỏi điều chỉnh định mức có trọng tâm, phù hợp khả năng cân đối ngân sách, bảo đảm hoạt động thông suốt của bộ máy.

- Đối với Lạng Sơn, địa bàn rộng, nhiều xã vùng cao, biên giới, dân cư phân tán, giao thông khó khăn, có đặc thù cửa khẩu và nhiệm vụ quốc phòng -

an ninh. Vì vậy, việc tính toán định mức bình quân theo dân số hoặc biên chế chưa hoàn toàn phản ánh đầy đủ chi phí tuyệt đối thực tế.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

Nguồn thu được hưởng theo phân cấp của ngân sách địa phương, thu bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho địa phương.

VI. THỜI GIAN DỰ KIẾN THỰC HIỆN

Sở Tài chính dự kiến báo cáo Uỷ ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết tại kỳ họp thường lệ cuối năm của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII nhiệm kỳ 2026 – 2031.

VII. NỘI DUNG TRÌNH XIN Ý KIẾN UBND TỈNH

1. Về định mức chi sự nghiệp giáo dục đối với cấp xã

Tại điểm b khoản 2 Điều 3 dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết quy định phân bổ thêm kinh phí cho Phòng Văn hóa - Xã hội các xã, phường từ nguồn sự nghiệp giáo dục để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ chung thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn, mức phân bổ 80 triệu đồng/01 trường/đơn vị cấp xã/năm. Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định định mức là phân bổ 45 triệu đồng/01 trường/đơn vị cấp xã/năm. Tuy nhiên, sau khi thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục theo Phương án số 83/PA-UBND của UBND tỉnh, một số xã có tỷ lệ giảm số cơ sở giáo dục (số trường) nhiều, do đó khi mặc dù định mức tăng nhưng khi nhân với số trường sau sắp xếp thì tổng dự toán theo định mức lại giảm nhiều so với trước đây. Do đó, Sở Tài chính bổ sung quy định ***"đối với các xã có số kinh phí phân bổ theo định mức thấp hơn số kinh phí trước khi sắp xếp cơ sở giáo dục thì được đảm bảo không thấp hơn mức đã hưởng."*** để đảm bảo kinh phí hoạt động cho các xã sau quá trình sắp xếp cơ sở giáo dục phù hợp với tình hình thực tiễn. Tổng kinh phí tăng thêm so với kinh phí thực hiện theo định mức tại Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND là 2.465 triệu đồng.

2. Định mức sự nghiệp y tế đối với trạm y tế xã

Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định định mức hỗ trợ trạm y tế xã theo vùng khó khăn và vùng còn lại với mức: 330 triệu đồng/ trạm y tế ở vùng khó khăn và 250 triệu đồng/trạm y tế ở vùng còn lại. Sau quá trình thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp và tình hình thực tiễn thực hiện nhiệm vụ của các trạm y tế xã, việc phân bổ định mức theo vùng không còn phù hợp khi chia bình quân theo đầu biên chế có sự chênh lệch lớn

giữa các vùng, trong khi các công việc, nhiệm vụ duy trì thường xuyên của các trạm y tế xã cơ bản như nhau. Trên cơ sở khả năng cân đối ngân sách, dự thảo quy định định mức là 25 triệu đồng/biên chế.

Tổng kinh phí tăng thêm so với kinh phí tính theo định mức vùng là 4.350 triệu đồng.

3. Định mức sự nghiệp kiến thiết thị chính

Căn cứ Quyết định số 316/QĐ-UBND ngày 15/02/2026 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt mức quy định trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, trong đó quy định tỉnh Lạng Sơn có 01 đô thị loại II là đô thị Lạng Sơn và 14 đô thị loại III (Đô thị Đồng Đăng; Đô thị Văn Quan; Đô thị Hữu Lũng; Đô thị Đồng Mỏ; Đô thị Chi Lăng; Đô thị Đình Lập; Đô thị Nông trường Thái Bình; Đô thị Bình Gia; Đô thị Bắc Sơn; Đô thị Na Sầm; Đô thị Thất Khê; Đô thị Cao Lộc; Đô thị Lộc Bình; Đô thị Na Dương).

Đối với các xã còn lại ngoài 4 phường và các xã trung tâm, Nghị quyết 38/2025/NQ-HĐND đã quy định 500 triệu đồng /xã để các xã có kinh phí chi các nội dung như duy tu, bảo dưỡng và lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng khu trung tâm các thôn; hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác chỉnh trang khu trung tâm xã và khu vực lân cận…Đối với định mức 2027, hiện nay trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn chưa thực hiện lập hồ sơ phân loại đô thị, đánh giá trình độ phát triển hạ tầng đô thị. Trên cơ sở báo cáo của các xã, các xã tiếp tục đề xuất giữ nguyên định mức. Sau khi xem xét rà soát và căn cứ khả năng cân đối, Sở Tài chính đề xuất giữ nguyên định mức 500 triệu đồng/ xã đối với các xã còn lại.

4. Đối với nội dung hỗ trợ nhiệm vụ chi khác ngoài 0,5% theo quy định

Tại khoản 3 Điều 17 Nghị quyết 38/2025/NQ-HĐND quy định hỗ trợ thêm kinh phí chi khác với định mức 500 triệu đồng/xã/năm cho các xã: Hữu Lũng, Chi Lăng, Lộc Bình, Đình Lập, Na Sầm, Thất Khê, Văn Quan, Bình Gia, Bắc Sơn, Đồng Đăng (là trung tâm trước sắp xếp) để có nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ phát sinh liên quan đến các xã trong cụm huyện cũ nhưng thực hiện chính ở xã trung tâm. Qua tổng hợp từ các xã, có xã chi bằng có xã chi cao hơn định mức được cấp, do đó cần tiếp tục giữ định mức tiêu chí này. Đồng thời trong quá trình thực hiện điều hành ngân sách năm 2026, đối với các xã có nhiều nhiệm vụ phát sinh tại các xã như các xã trung tâm, nguồnkinh phí này vẫn còn hạn chế so với các nhiệm vụ chi phát sinh thực tế ở cấp xã, trong đó có các nhiệm vụ đột xuất, nhiệm vụ phục vụ hoạt động chung của địa phương và các nhiệm vụ phát sinh chưa được dự toán hoặc chưa được tính đầy đủ trong

định mức phân bổ. Do đó, địa phương gặp khó khăn trong việc chủ động. Đối với các xã còn lại và phường, có phát sinh nhiều nhiệm vụ tuy nhiên khối lượng nhiệm vụ phá sinh và nguồn thu có sự khác biệt với các xã trung tâm. Do đó, trên cơ sở xem xét khả năng thu ngân sách của các phường, tình hình thực tiễn Sở Tài chính đề xuất giữ nguyên tiêu chí đối với xã trung tâm và tăng lên 600 triệu đồng/xã, đồng thời bổ sung mới đối vúi các phường với định mức là 300 triệu đồng/phường/năm, các xã còn lại là 200 triệu đồng/xã/năm.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2027. Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Xin gửi kèm theo:

(1) Dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh;

(2) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh;

(3) Bản tổng hợp ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị;

(4) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và nội dung tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tài chính;

(5) Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND;

(6) Các biểu thuyết minh, so sánh.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo Sở;
- VP, QLNS, TCHCSN;
- Lưu: VT, QLNS (LVD).

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH
TỈNH LẠNG SƠN

Phan Hồng Tiến